TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/HS-ST
Ngày: 10 - 6 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ích Yên

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Bắc và ông Nguyễn Duy Tuấn

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Khánh Tùng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm, thụ lý số 25/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: NGUYỄN VĂN C1**,** sinh năm 1978 tại Thái Nguyên; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Xóm Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 06/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Thế H (đã chết); Con bà: Trần Thị T; Vợ: Hướng Thị D; Có 03 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Bản án số 349 ngày 29/8/2013 của TAND thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Nguyễn Văn C1 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự, chấp hành xong án phí ngày 13/01/2014, chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/02/2015.

+ Bản án số 68 ngày 18/8/2016 của TAND huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Nguyễn Văn C1 36 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự, chấp hành xong án phí ngày 11/10/2016, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/9/2018.

Bị cáo bị tạm giữ, bắt tạm giam từ ngày 03/01/2024. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. (Có mặt tại phiên toà)

2. Họ và tên: **TRẦN CÔNG M**, sinh năm 1993 tại Thái Nguyên; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: xóm V, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Nghề

nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn T1; Con bà: Lê Thị T2; Vợ: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 35 ngày 25/4/2014 của TAND huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Trần Công M 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự, chấp hành xong án phí ngày 02/7/2014, chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/10/2015. Bị cáo bị tạm giữ, bắt tạm giam từ ngày 23/02/2024. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. (Có mặt tại phiên toà)

3. Họ và tên: **TRẦN VĂN Q,** Sinh năm 1986 tại: Thái Nguyên; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: xóm V, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 09/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn D1 (đã chết năm 2012); Con bà: Dương Thị N (đã chết năm 2006); Vợ: Dương Thị T3; Có 02 con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện đang tại ngoại tại địa phương. (Có mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 15 ngày 03/01/2024, tại khu vực cổng Trường Đại Học N1, thuộc xóm A, xã Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Tổ công tác của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh T bắt quả tang Nguyễn Văn C1 sinh ngày 04/4/1978, trú tại: xóm Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên có hành vi tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng, vật chứng thu giữ trên người của C1 là 01 khẩu súng dài khoảng 23 cm, khẩu súng có đặc điểm bằng kim loại màu đen, có đầy đủ bộ phận nòng súng, báng súng, cò súng, búa đập, kim hỏa, hộp tiếp đạn, mặt trái súng có kí hiệu "REMINGTON RANDINC.SYRACO...Y.USA", mặt phải súng có ký hiệu 1795225 (Niêm phong ký hiệu PS2-PC02TN). Khẩu súng được C1 để trong túi vải màu trắng kích thước 32x26cm, bên ngoài bọc bằng túi bạt màu xanh kích thước 30x25cm. Ngoài ra còn thu giữ của Cơ 01 điện thoại di động hiệu OPPO A9 màu xanh.

Sau khi bắt quả tang, Cơ quan CA tỉnh T đã trưng cầu Viện KHHS-Bộ C2 giám định khẩu súng nêu trên của Nguyễn Văn C1. Tại Bản kết luận giám định số 83/KL-KTHS ngày 04/01/2024 của V -Bộ C2 kết luận: *Mẫu vật gửi giám định trong Niêm phong PS2-PC02TN là súng Colt 45, thuộc vũ khí quân dụng. Hiện khẩu súng còn sử dụng bắn được.*

Ngày 05/01/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh T đã thực hiện thủ tục chuyển vụ việc phạm tội nêu trên đến Cơ quan an ninh điều tra – Công an tỉnh T để điều tra, xử lý theo thẩm quyền. Tại Cơ quan điều tra xác định hành vi phạm tội của Nguyễn Văn C1 và các đồng phạm như sau:

Trần Văn Q là chú ruột của Trần Công M cùng trú tại xóm V, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Quan có cha đẻ là ông Trần Văn D1 sinh năm 1948, sau khi ông D1 chết năm 2012, Q có thu dọn đồ dùng cá nhân của ông D1 thì phát hiện có 01 khẩu súng quân dụng dạng súng ngắn dài khoảng 20cm nên Q mang khẩu súng này về nhà cất giữ để làm kỷ niệm. Sau này Trần Công M biết việc Q cất giữ khẩu súng của ông D1 nên đã kể cho Nguyễn Văn C1 biết. Tháng 12/2023, C1 được một người tên T4 (hoặc tên S, không rõ lai lịch) ở Thái Nguyên nhờ mua súng quân dụng nên C1 đã liên hệ với M đặt vấn đề mua khẩu súng nêu trên của Q với giá 10.000.000đ. Khoảng 18 giờ ngày 30/12/2023, M đến nhà của Q và được Q đồng ý đưa cho M mang khẩu súng trên đi bán với giá 10.000.000đ. M mang khẩu súng về quán sửa xe máy cũ của M tại xóm V, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên rồi sử dụng máy chà, dầu nhớt thải và khăn lau để làm sạch rỉ súng. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, M mang khẩu súng trên bán cho C1 tại nhà ở của C, thuộc xóm Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên với giá 10.000.000đ, số tiền này M đã đưa lại cho Q 7.000.000đ, còn lại 3.000.000đ M đã sử dụng chi tiêu cá nhân. Ngày 03/01/2024, Nguyễn Văn C1 tiếp tục mang khẩu súng quân dụng mua được của M đến khu vực thuộc xóm A, xã Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên để bán lại cho người khác với giá 30.000.000đ nhưng chưa kịp bán thì bị Cơ quan công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng là khẩu súng quân dụng nêu trên.

* *Vật chứng của vụ án:* 01 (một) khẩu súng Colt 45 thuộc vũ khí quân dụng, được niêm phong ký hiệu C0031509912. (Đang quản lý tại Kho vũ khí đạn/Phòng Hậu cần – Kỹ thuật, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh T).

**. Vật chứng gửi tại Kho của Công an tỉnh gồm:*

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A9, màu xanh, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 860 028 040 868 572, IMEI 2: 860 028 040 868 564, bên trong lắp 02 sim điện thoại có số thuê bao 0983879761, 0859650327, được niêm phong ký hiệu A2.

- 01 túi bạt màu xanh, kích thước khoảng 30cm x 25cm.

- 01 túi vải màu trắng, kích thước khoảng 32cm x 26cm.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu trắng, đã qua sử dụng, kính màn hình bị nứt, số IMEI 1: 865 266 035 793 232, IMEI 2: 865 266 035 793 224, lắp sim điện thoại số thuê bao 0365909068, được niêm phong ký hiệu Q1.

- 01 máy mài điện, màu xanh, một đầu lắp đá mài tròn, một đầu lắp chổi đánh rỉ.

Vật chứng gửi tại tài khoản tạm giữ của Công an tỉnh T *gồm:*

7.000.000đ tiền Trần Văn Q giao nộp.

3.000.000đ tiền Trần Công M giao nộp.

Tại bản cáo trạng số 37/CT – VKSTN – P1, ngày 08/4/2024 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Cơ và Trần Văn Quan

về tội: *"Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng"* theo khoản 1 Điều 304 của Bộ luật hình sự; bị cáo Trần Công M về tội *"Mua bán trái phép vũ khí quân dụng"* theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố.

Phần luận tội, sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên xử các bị cáo: Bị cáo Nguyễn Văn C1 và Trần Văn Q phạm tội "Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng" theo khoản 1 Điều 304 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Bị cáo Trần Công M phạm tội "Mua bán trái phép vũ khí quân dụng" theo khoản 1 Điều 304 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo:

+ Phạt bị cáo Nguyễn Văn C1 mức án từ 24 đến 30 tháng tù, thời hạn chấp hành tính từ ngày 03/01/2024.

+ Phạt bị cáo Trần Công M mức án từ 24 đến 30 tháng tù, thời hạn chấp hành tính từ ngày 23/02/2024.

+ Phạt bị cáo Trần Văn Q mức án từ 18 đến 24 tháng tù, thời hạn chấp hành tính từ ngày thi hành án.

- Hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung đối với mỗi bị cáo Nguyễn Văn C1, Trần Công M và Trần Văn Q mức phạt từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ theo khoản 5 Điều 304 của BLHS.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS năm 2015:

* Tịch thu, giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh T xử lý theo thẩm quyền vật chứng là 01 (một) khẩu súng Colt 45 thuộc vũ khí quân dụng, được niêm phong ký hiệu C0031509912. (Đang quản lý tại Kho vũ khí đạn/Phòng Hậu cần – Kỹ thuật, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh T).

* Tịch thu tiêu hủy các vật chứng:

- 01 túi bạt màu xanh, kích thước khoảng 30cm x 25cm.

- 01 túi vải màu trắng, kích thước khoảng 32cm x 26cm.

- 01 máy mài điện, màu xanh, một đầu lắp đá mài tròn, một đầu lắp chổi đánh rỉ (M).

*Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ Số tiền do phạm tội mà có của Trần Văn Q đã giao nộp 7.000.000đ và của Trần Công M giao nộp là 3.000.000đ.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A9, màu xanh, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 860 028 040 868 572, IMEI 2: 860 028 040 868 564, bên trong lắp 02 sim điện thoại có số thuê bao 0983879761, 0859650327 của Nguyễn Văn C1, được niêm phong ký hiệu A2.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu trắng, đã qua sử dụng, kính màn hình bị nứt, số IMEI 1: 865 266 035 793 232, IMEI 2: 865 266 035 793 224, lắp sim điện thoại số thuê bao 0365909068 của Trần Văn Q, được niêm phong ký hiệu Q1.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ nộp sung quỹ nhà nước.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đều ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về chấp hành pháp luật tố tụng hình sự: Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng năm 2012, Trần Văn Q phát hiện trong số đồ vật cá nhân của bố mình là ông Trần Văn D1 sau khi chết có để lại 01 khẩu súng quân dụng dạng súng Colt bằng kim loại màu đen, súng dài khoảng 23cm, báng súng ốp nhựa màu nâu, thân súng có ký hiệu "REMINGTON RANDINC.SYRACO...Y.USA", mặt phải súng có ký hiệu 1795225. Sau này Q có nói cho Trần Công M là cháu ruột mình biết và tiếp tục cất giữ khẩu súng tại nhà ở của mình tại xóm V, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Ngày 30/12/2023, Trần Công M đã trao đổi và cùng Q nhất trí bán lại khẩu súng nêu trên với giá 10.000.000đ. M nhận khẩu súng do Q giao cho, sau đó M tự đánh rỉ sét trên thân súng và mang khẩu súng nêu trên bán cho Nguyễn Văn C1 với giá 10.000.000đ, M đưa lại cho Quan 7.000.0000đ, giữ lại 3.000.000đ chi tiêu cá nhân. Ngày 03/01/2024, Nguyễn Văn C1 mang khẩu súng nêu trên đến khu vực cổng Trường Đại Học N1, thuộc xóm A, xã Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên để bán lại cho người tên T4 (không rõ lai lịch địa chỉ) với giá 30.000.000đ

nhưng chưa kịp bán thì bị Cơ quan công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Với hành vi nêu trên, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Văn C1 và Trần Văn Q về tội *"Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng"* theo khoản 1 Điều 304 của Bộ luật hình sự; bị cáo Trần Công M về tội *"Mua bán trái phép vũ khí quân dụng"* theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 304 của Bộ luật hình sự quy định như sau:

"1. Người nào...tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép ...vũ khí quân dụng... thì bị phạt tù từ 01 năm đến 07 năm;

2. ..."

[3]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với vũ khí quân dụng, xâm phạm đến trật tự trị an, an toàn xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý hành chính của Nhà nước. Các bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự, vì vậy cần phải được xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Nguyễn Văn C1 có mẹ là Trần Thị T được Chủ tịch nước tặng thưởng "Huân chương khánh chiến hạng ba", bị cáo Trần Công M đã chủ động đến Cơ quan điều tra đầu thú; Năm 2021, bị cáo Trần Văn Q từng được Chủ tịch UBND xã V, huyện Đ tặng giấy khen và thưởng cho cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác bảo đảm an ninh trật tự. Vì vậy các bị cáo Nguyễn Văn C1, Trần Công M và Trần Văn Q được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Từ những căn cứ phân tích ở trên, khi lượng hình Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc một mức án phù hợp với nhân thân, tính chất, mức độ tội phạm do từng bị cáo thực hiện.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy, các bị cáo không phải mục đích mua súng về để bán kiếm lời, mà nguồn gốc khẩu súng do bố bị cáo Q để lại, nên Hội đồng xét xử không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6]. Cần ra quyết định tạm giam 45 ngày đối với các bị cáo Nguyễn Văn C1, Trần Công M để bảo đảm việc thi hành án.

[7]. Về xử lý vật chứng vụ án:

+ Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A9, màu xanh và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu trắng của Nguyễn Văn C1 và Trần Văn Q

xác định các bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội và số tiền 7.000.000đ tiền Trần Văn Q giao nộp và số tiền 3.000.000đ tiền Trần Công M giao nộp cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

+ Tịch thu tiêu huỷ: 01 máy mài điện, màu xanh, một đầu lắp đá mài tròn, một đầu lắp chổi đánh rỉ; 01 túi bạt màu xanh; 01 túi vải màu trắng.

- Đối với 01 (một) khẩu súng Colt 45 thuộc vũ khí quân dụng, được niêm phong ký hiệu C0031509912 cần giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh T tịch thu, tiêu hủy theo đúng quy định. (Đang quản lý tại Kho vũ khí đạn/Phòng Hậu cần - Kỹ thuật, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh T).

[8]. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Căn cứ Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, 260, 268, 269, 299, 326, 327, 329, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn C1, Trần Văn Q, Trần Công M.

2. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn C1, Trần Văn Q phạm tội "Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng"; bị cáo Trần Công M phạm tội "Mua bán trái phép vũ khí quân dụng".

3. Về hình phạt chính: Xử phạt

Nguyễn Văn C1 **30** (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/01/2024.

Trần Công M **24** (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/02/2024.

Trần Văn Q **18** (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

4. Ra quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Văn C1, Trần Công M, mỗi bị cáo với thời hạn 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

5. Về xử lý vật chứng:

- *Tịch thu sung quỹ Nhà nước:*

+ 01 (Một) bì niêm phong theo quy định ký hiệu A2, trên mép dán có chữ ký của Nguyễn Văn C1 cùng các thành phần tham gia niêm phong và 03 hình

dấu tròn đỏ của cơ quan ANĐT, Công an tỉnh T. Bên ngoài ghi: Điện thoại di động của Nguyễn Văn C1.

+ 01 (Một) bì niêm phong theo quy định ký hiệu Q1, trên mép dán có chữ ký của Chu Văn T5, Trần Văn Q, Nguyễn Thị Hà P và 03 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan ANĐT, Công an tỉnh T. Bên ngoài ghi: Điện thoại di động của Trần Văn Q.

+ Số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (Một) túi bạt màu xanh, kịch thước khoảng 30cm x 25cm;

+ 01 (Một) túi vải màu trắng, kích thước khoảng 32cm x 26cm;

+ 01 (Một) máy mài điện, màu xanh, một đầu lắp đá mài tròn, một đầu lắp chổi đánh rỉ.

- Đối với 01 (một) khẩu súng Colt 45 thuộc vũ khí quân dụng, được niêm phong ký hiệu C0031509912, giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh T tịch thu, tiêu hủy theo đúng quy định. (Đang quản lý tại Kho vũ khí đạn/Phòng Hậu cần - Kỹ thuật, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh T).

(Vật chứng theo Quyết định về việc tiếp nhận TBKT ngoài luồng số 162/QĐ-BCH ngày 18/3/2024 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh T *và Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 69 ngày 09/4/2024 giữa Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên với cơ quan ANĐT* Công an tỉnh T*; Uỷ nhiệm chi số 46 ngày 10/4/2024 của Kho bạc tỉnh Thái Nguyên).*

6. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn C1, Trần Văn Q, Trần Công M mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Thông báo quyền kháng cáo: Án xét xử hình sự sơ thẩm công khai, có mặt các bị cáo, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Trại tạm giam; Sở tư pháp;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Ích Yên